

Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008



Một số trao đổi

TS. TRẦN THỊ KỲ - TS. NGUYỄN THỊ LOAN

Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008 do Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, thay thế Luật thuế giá trị gia tăng ban hành năm 1997 và được sửa đổi, bổ sung năm 2003 và năm 2005.

Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành nhìn chung không có sự thay đổi nhiều so với Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Thứ nhất, Luật thuế giá trị gia tăng ban hành năm 2008 đã thu hẹp một số đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng.

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 17-6-2003, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29 - 11-2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-

2006 quy định các đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng gồm 28 nhóm hàng hóa, dịch vụ. Theo Luật thuế giá trị gia tăng ban hành năm 2008 đã **thu hẹp** các đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng **xuống còn 25 nhóm**, nguyên nhân là do một số đối tượng không thuộc diện chịu thuế (trong Luật thuế cũ) đã chuyển sang đối tượng chịu thuế, đồng thời một số đối tượng trước đây chưa quy định hoặc mới phát sinh đã được đưa vào đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng trong Luật thuế mới.

Thứ hai, Luật thuế giá trị gia tăng mới đã chuyển một số khoản từ “Điều 4. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng” trong Luật thuế cũ sang “Đối tượng chịu thuế”:

Chuyển khoản 10 “Hoạt động văn hóa, triển lãm và thể dục, thể thao không nhằm mục đích kinh doanh; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; phát hành và chiếu phim nhựa, phim video tài liệu”;

Khoản 17 “Điều tra, thăm dò địa chất, đo đạc, lập bản đồ thuộc loại điều tra cơ bản của Nhà nước”; Khoản 18 “Tuổi, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước sạch do tổ chức, cá nhân tự khai thác để phục vụ cho sinh hoạt ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa” khoản 22 “Vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế và dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài” và một phần của khoản khoản 4: “Thiết bị, máy móc phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được ...” từ đối tượng không chịu thuế trong Luật thuế cũ sang đối tượng chịu thuế trong Luật thuế mới.

Thứ ba, Luật thuế giá trị gia tăng mới đã chuyển một số qui định của Thông tư về các nội dung của Luật

Luật thuế giá trị gia tăng cũ **không quy định cụ thể** giá tính thuế đối với **hoạt động xây dựng, lắp đặt; hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động đại lý môi giới**, mà quy định tại các Thông tư 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007, nhưng hiện nay những quy định này đã được chuyển vào Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành

Thứ tư, một số từ ngữ trong Luật thuế giá trị gia tăng cũ không còn phù hợp với tình hình thực tế đã được sửa đổi trong Luật thuế mới.

Luật thuế mới (Điều 5, khoản 12) đã thay cụm từ “nhà tình nghĩa” trong Luật thuế cũ (Điều 4, khoản 15) thành cụm từ “nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội” để bao quát các trường hợp “duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn viện trợ nhân đạo”.

Thứ năm, Luật thuế giá trị gia tăng mới đã bổ sung một số khoản chưa có trong Luật thuế cũ, cũng như làm rõ hơn một số nội dung liên quan đến đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất và các trường hợp được hoàn thuế.

Luật thuế giá trị gia tăng mới **bổ sung** một số đối tượng không chịu thuế chưa có trong Luật thuế cũ, cụ thể nên bổ sung vào Luật các dịch vụ: “Cày, bừa đất, nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp” và “Dịch vụ tài chính phái sinh, bao gồm hoán đổi lãi suất, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, quyền chọn mua, bán ngoại tệ và các dịch vụ tài chính phái sinh khác” (tại khoản 3 và khoản 8 -Điều 5).

Luật thuế giá trị gia tăng mới quy định rõ và chi tiết hơn Luật thuế cũ về giá tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản. Nếu như Luật thuế cũ, tại Điều 7 khoản 4 chỉ quy định tổng quát và chưa rõ ràng: “Giá tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản **là số tiền thuê thu từng kỳ**” thì trong Luật mới, tại Điều 7 khoản 1d, quy định rõ và chi tiết hơn: “Giá tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản **là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng**. Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một

thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng”. Bên cạnh đó, Luật thuế mới còn **bổ sung**: “Trường hợp thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được để cho thuê lại, **giá tính thuế được trừ giá thuê phải trả cho nước ngoài**”.

Về thuế suất, Luật thuế giá trị gia tăng mới quy định **rõ và gọn** hơn. Nếu Luật thuế cũ quy định **từng đối tượng cụ thể** chịu mức thuế suất 10% như: Điện thương phẩm, dịch vụ tư vấn pháp luật, dịch vụ môi giới ... thì trong Luật thuế mới, tại Điều 8, khoản 3 quy định ngắn gọn, nhưng rất rõ ràng và bao quát như sau: “Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 (nhóm thuế suất 0%) và khoản 2 (nhóm thuế suất 5%) của Điều này”.

Bên cạnh những bổ sung đã nêu trên, Luật thuế giá trị gia tăng ban hành năm 2008 còn **quy định mới hai đối tượng được khấu trừ thuế đầu vào toàn bộ**, bao gồm: “Trường hợp thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng” và “Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại”. Đồng thời, Luật thuế mới cũng **quy định thêm** thời gian khai bổ sung khấu trừ thuế giá trị gia tăng khi phát hiện sai sót tại Điều 12, khoản 1d như sau: “Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai khấu trừ bổ sung, thời gian để kê khai, bổ sung tối đa là 6 tháng, kể từ thời điểm phát sinh sai sót” còn Luật thuế cũ chỉ ghi: “Thuế đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó; thời gian kê khai tối đa là 3 tháng”. Mặt khác, Luật thuế giá trị gia tăng ban hành năm 2008 còn quy định một nội dung mới liên quan đến điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được nhiều đơn vị chú ý, đó là: “...phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần dưới 20 triệu đồng”.

Sau khi nghiên cứu Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành năm 2008, so sánh với Luật thuế giá trị gia tăng cũ ban hành năm 1997, Luật đã sửa đổi, bổ sung năm 2003 và năm 2005 cùng với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn, kết hợp những vấn đề phát sinh từ thực tế quan sát được, chúng tôi nhận thấy Luật thuế mới một số ưu điểm, hạn chế và những nội dung cần tiếp tục được hoàn thiện như sau:

* Những ưu điểm của Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành

Một là, việc chuyển một số khoản từ đối tượng

không chịu thuế (trong Luật cũ) sang đối tượng chịu thuế (trong Luật mới) góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước.

Hai là, những bổ sung về đối tượng không chịu thuế đã thể hiện tính đầy đủ, kịp thời của một Luật thuế. Ngoài ra, còn thể hiện chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các nghiệp vụ mới phát sinh như dịch vụ tài chính phái sinh.

Ba là, việc đưa một số quy định tại Thông tư vào Luật, cũng như quy định ngắn gọn hơn hoặc chi tiết hơn một số khoản liên quan đến thuế suất, giá tính thuế và khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào hoặc thay thế một số cụm từ liên quan đến đối tượng không chịu thuế đã trình bày ở trên làm cho Luật thuế mới vừa khái quát vừa rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo tính minh bạch, tính thực tiễn, tạo thuận lợi cho các đơn vị trong tính toán, kê khai thuế cũng như dễ dàng cho cơ quan thuế khi kiểm tra, kiểm soát phát hiện, xử lý và ngăn ngừa các trường hợp gian lận thuế. .

Bốn là, việc quy định điều kiện để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng từ 20 triệu đồng trở lên vừa có tác dụng đẩy mạnh công tác thanh toán không dùng tiền mặt đối với các thể nhân và pháp nhân, vừa có tác dụng trong công tác quản lý vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, **Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành vẫn còn một số hạn chế** cần được hoàn thiện như sau:

Luật thuế mới chưa quy định giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu. Điều này sẽ gây khó khăn cho các đơn vị hoạt động trong những lĩnh vực này trong việc tính toán, kê khai thuế giá trị gia tăng.

Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008, quy định điều kiện các đơn vị muốn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng từ 20 triệu đồng trở lên, nhưng chưa quy định rõ đó là giá mua hàng hóa, dịch vụ đã có thuế giá trị gia tăng hay chưa có thuế giá trị gia tăng, nên sẽ khó khăn cho các đơn vị khi Luật thuế này chính thức được áp dụng trong thực tế.

Giống như Luật thuế cũ, Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành năm 2008, không đề cập đến dịch vụ mua ở nước ngoài, nhưng thực tế **dịch vụ nhập khẩu** vẫn chịu thuế như dịch vụ tư vấn, bảo

hiểm, vận tải...

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, chúng tôi xin **đề xuất một số ý kiến với Bộ Tài Chính** xem xét, nhằm góp phần hoàn thiện Luật thuế giá trị gia tăng mới ban hành:

Thứ nhất, cần đưa thêm vào Luật mới dịch vụ mua ở nước ngoài trong yếu tố “Người nộp thuế”, cụ thể: Theo Điều 3, Luật thuế giá trị gia tăng năm 1997 và Luật điều chỉnh, bổ sung năm 2003 và năm 2005, chỉ quy định: “Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế (gọi chung là người nhập khẩu) là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng”, nay cần thêm vào trong Luật thuế giá trị gia tăng mới năm 2008 như sau: “Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức cá nhân nhập khẩu hàng hóa, **dịch vụ** chịu thuế (gọi chung là người nhập khẩu) là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng”.

Thứ hai, Luật thuế mới nên bổ sung giá tính thuế đối với hoạt động quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu nhằm thể hiện tính đầy đủ, rõ ràng của một Luật Thuế, vừa tạo thuận lợi cho các đơn vị hoạt động ở lĩnh vực này trong việc tính và kê khai thuế.

Thứ ba, Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 cần quy định rõ điều kiện để các đơn vị được khấu trừ thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng, có giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng từ 20 triệu đồng trở lên.

Trên đây là một số ý kiến chúng tôi muốn trao đổi cùng độc giả nhằm góp phần đảm bảo **Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 sắp tới đi vào thực tế đáp ứng các yêu cầu: đầy đủ, rõ ràng để hiểu và hiệu quả, đạt được mục tiêu của Nhà nước mong đợi với một Luật thuế** ■

Tài liệu tham khảo:

- 1- Luật thuế giá trị gia tăng năm 1997
- 2- Luật thuế giá trị gia tăng đã sửa đổi, bổ sung năm 2003 và năm 2005
- 3- Nghị định số 158/2003/NĐ-Cp ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT
- 4- Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2004 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158
- 5- Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9 tháng 4 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 158, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP, Nghị định số 156/2005/NĐ-CP
- 6- Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008.